

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Thay đổi lần thứ 6, ngày cấp 26/05/2023.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 30.011.000.000 đồng

Vốn thực góp 30.013.180.504 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 179A Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: contract@cigova.com
Website: cigova.vn
Mã số thuế: 0301448324

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên
- Ông Bùi Minh Quang	Thành viên

Kiểm soát viên

- Bà Huỳnh Mỹ Phương Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Võ Quang Sơn	Giám đốc
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Long Hoàng Vinh	Phó Giám đốc
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2023 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

357879
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
QUẬN GÒ VẤP
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Quét dọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;
-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Võ Quang Sơn
Giám đốc

Số 005./2024/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp, được lập ngày 27 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2023 của viên chức quản lý và người lao động theo tờ trình Số 30486/SLĐTBXH-LĐ ngày 29/12/2023 của Sở Lao động Thương binh Xã hội trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về quỹ tiền lương thực hiện năm 2022.

Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2022 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 2304/TB-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về quỹ tiền lương thực hiện năm 2022.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2023-196-1



NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2023-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.201.946.805	62.624.184.853
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		38.873.215.329	27.339.467.511
1. Tiền	111	V.01	13.868.605.751	10.335.028.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.004.609.578	17.004.439.228
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.098.835.225	15.074.629.139
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	15.098.835.225	15.074.629.139
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.869.334.735	18.983.307.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.542.299.278	18.438.760.810
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	16.500.000	16.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.273.061.006	2.740.948.508
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	V.06	(2.962.525.549)	(2.212.901.611)
IV. Hàng tồn kho	140		1.127.369.034	654.288.263
1. Hàng tồn kho	141	V.07	1.127.369.034	654.288.263
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		233.192.482	572.492.233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	233.192.482	572.492.233
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.787.560.236	42.354.479.565
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.747.187.864	39.779.699.680
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	42.747.187.864	39.779.699.680
Nguyên giá	222		99.007.787.604	89.631.174.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.260.599.740)	(49.851.474.322)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.025.026.539	2.461.825.114
Nguyên giá	231		3.224.976.161	3.702.763.953
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.199.949.622)	(1.240.938.839)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	33.148.148
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	33.148.148
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.345.833	79.806.623
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	15.345.833	79.806.623
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		109.989.507.041	104.978.664.418



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		64.666.206.626	60.774.135.685
I. Nợ ngắn hạn	310		58.314.593.900	58.335.862.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.563.513.022	1.537.472.646
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.060.422	14.275.956
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.808.943.503	7.434.299.262
4. Phải trả người lao động	314	V.15	15.253.641.861	21.226.456.384
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	60.208.971	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.937.644.255	1.382.400.996
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	6.813.696.067	1.830.116.550
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	22.875.885.799	24.910.841.165
II. Nợ dài hạn	330		6.351.612.726	2.438.272.726
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	995.500.000	1.495.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	4.823.340.000	910.000.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	532.772.726	32.772.726
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.323.300.415	44.204.528.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	43.298.273.876	41.742.703.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.013.180.504	30.013.180.504
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.012.415.961	630.317.088
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.272.677.411	11.099.206.027
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.272.677.411	11.099.206.027
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.22	2.025.026.539	2.461.825.114
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.025.026.539	2.461.825.114
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		109.989.507.041	104.978.664.418

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

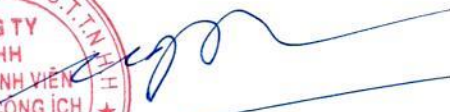
Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Thanh Tuân

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	146.083.547.057	155.298.386.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		146.083.547.057	155.298.386.183
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	119.202.056.199	129.148.951.383
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.881.490.858	26.149.434.800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.375.453.999	1.182.272.654
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	777.590.747	549.588.795
- trong đó: chi phí lãi vay	23		777.590.747	549.588.795
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	11.867.376.652	12.906.282.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.611.977.458	13.875.836.486
11. Thu nhập khác	31	VI.06	187.831.902	3.266.183.250
12. Chi phí khác	32	VI.07	180.009.283	511.832.581
13. Lợi nhuận khác	40		7.822.619	2.754.350.669
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.619.800.077	16.630.187.155
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.159.961.872	3.310.410.544
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.459.838.205	13.319.776.611

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Thanh Xuân

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		167.330.099.067	167.051.092.173
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(40.466.402.530)	(49.634.633.922)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(68.879.622.441)	(69.053.515.349)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(777.590.747)	(559.479.244)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.179.972.267)	(3.773.792.524)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.893.358.470	8.069.266.478
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(43.795.215.718)	(35.869.935.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		21.124.653.834	16.229.002.063
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(83.030.741)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.320.878.044	1.148.161.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.320.878.044	1.065.131.124
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.911.784.060)	(14.530.350.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.911.784.060)	(14.530.350.388)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.533.747.818	2.763.782.799
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.339.467.511	24.575.684.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		38.873.215.329	27.339.467.511

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Quang Sơn

Phạm Thị Thanh Xuân

Lê Thành Tín

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 24 tháng 08 năm 2010 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Thay đổi lần thứ 6, ngày cấp 26/05/2023.

Công ty được thành lập ban đầu là Xí nghiệp Công trình đô thị Gò Vấp theo Quyết định 6078/QĐ-UB-KT ngày 29/10/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau đó chuyển đổi thành Công ty Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp theo Quyết định số 2536 ngày 09/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 30.011.000.000 VND
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 30.013.180.504 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng, khác.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Quét dọn, thu gom rác và công trình;
- Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông;
- Quản lý bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Sửa chữa nhà và trang trí nội thất;
- Sửa chữa, duy tu, đào đắp các công trình, san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị (Hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình), mai táng, tư vấn nhà đất
- Thi công sân vườn non bộ, nội ngoại thất công trình;
- Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước;
-

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có 327 người (trong đó 08 viên chức quản lý).

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

5095787
CÔNG
TNH
TIÊM T
ÁI BÌNH C
PHỔ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08



5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. *Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. *Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

e. *Doanh thu từ hoạt động liên doanh*

Doanh thu từ các hợp đồng liên danh liên kết phân chia doanh thu được ghi nhận theo tỉ lệ phân chia doanh thu theo thỏa thuận của hợp đồng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ: Dịch vụ về chăm sóc bảo quản công viên cây xanh thuộc đối tượng không chịu thuế; Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước đường phố và các hoạt động khác thuộc đối tượng chịu thuế với thuế suất 10%. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai với thuế suất 20%. Các loại thuế khác Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

Năm 2023 Công ty được hưởng chính sách hỗ trợ miễn giảm thuế về thuế giá trị gia tăng với thuế suất được giảm 2% theo quy định tại Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 28/01/2023 của Chính Phủ.

11. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt tại quỹ	116.563.154	131.236.125
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	116.563.154	131.236.125
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	13.752.042.597	10.203.792.158
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	12.836.699.314	9.217.462.551
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	651.096.518	592.173.569
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	28	114.329
- Ngân hàng TMCP Nam Á	260.882.315	390.024.793
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN (BIDV)	3.364.422	4.016.916
Các khoản tương đương tiền	25.004.609.578	17.004.439.228
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	21.004.609.578	11.004.439.228
- Ngân hàng TMCP Nam Á	4.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	38.873.215.329	27.339.467.511

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2023	01/01/2023
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	14.600.000.000	14.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN (BIDV)	498.835.225	474.629.139
Tổng cộng	15.098.835.225	15.074.629.139

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dùng để ký quỹ đảm bảo cho các Chứng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng Công ty ký kết với khách hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Phải thu khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	-	-	971.296.000	-
- Phòng Tài nguyên Môi trường Quận Gò Vấp	2.890.780.962	-	7.269.906.987	-
- Phòng Quản lý đô thị Quận Gò Vấp	3.783.558.152	-	6.193.133.536	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát	1.519.693.780	(1.519.693.780)	1.519.693.780	(1.519.693.780)
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Phát lộc	214.099.891	(214.099.891)	214.099.891	(214.099.891)
- Công ty CP Đầu tư và XD Tài Anh	122.320.000	(122.320.000)	122.320.000	(122.320.000)
- Công ty TNHH Nguyễn Gia Huy	254.100.000	(254.100.000)	254.100.000	(254.100.000)
- Công ty TNHH XD TM SX XNK Đại Kim Tượng	102.687.940	(102.687.940)	102.687.940	(102.687.940)
- Công ty TNHH Đầu tư Địa Ốc Thành Phố	20.658.240	-	2.332.800	-
- UBND phường 3 quận Gò Vấp	197.097.608	(197.097.608)	197.097.608	-
- UBND phường 4 quận Gò Vấp	95.630.634	(95.630.634)	95.630.634	-
- UBND phường 9 quận Gò Vấp	25.870.688	(25.870.688)	25.870.688	-
- UBND phường 10 quận Gò Vấp	128.555.128	(128.555.128)	128.555.128	-
- UBND phường 11 quận Gò Vấp	168.255.680	(168.255.680)	168.255.680	-
- UBND phường 12 quận Gò Vấp	21.997.544	(21.997.544)	21.997.544	-
- UBND phường 14 quận Gò Vấp	112.216.656	(112.216.656)	112.216.656	-
- Công ty CP Cấp Nước Gia Định	123.291.062	-	123.291.062	-
- Các khách hàng khác	761.485.313	-	916.274.876	-
Tổng cộng	10.542.299.278	(2.962.525.549)	18.438.760.810	(2.212.901.611)
4. Trả trước cho người bán			31/12/2023	01/01/2023
- Các nhà cung cấp khác			16.500.000	16.500.000
Tổng cộng			16.500.000	16.500.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023		
<i>a. Ngắn hạn</i>					
- Dự thu lãi tiền gửi	312.112.965		257.537.010		
- Phải thu về cổ phần hóa	599.580.000		599.580.000		
- Ký quỹ Công ty TNHH Nước tinh khiết Sài Gòn	700.000		700.000		
- Ký quỹ Công ty TNHH MTV Khí Công nghiệp Đức Thiện	12.000.000		12.000.000		
- Tạm ứng	80.302.000		110.302.000		
- Bà Phan Thị Cang (căn hộ 407, lô A CC P5, Gò Vấp)	43.841.280		43.841.280		
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-		399.933.058		
- Tiền thuê nhà đất thuộc sở hữu nhà nước	1.224.524.761		1.317.055.160		
Tổng cộng	2.273.061.006		2.740.948.508		
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi			Năm 2023		
Số đầu năm			2.212.901.611		
Trích lập trong năm :			749.623.938		
UBND phường 3 quận Gò Vấp			197.097.608		
UBND phường 4 quận Gò Vấp			95.630.634		
UBND phường 9 quận Gò Vấp			25.870.688		
UBND phường 10 quận Gò Vấp			128.555.128		
UBND phường 11 quận Gò Vấp			168.255.680		
UBND phường 12 quận Gò Vấp			21.997.544		
UBND phường 14 quận Gò Vấp			112.216.656		
Số cuối năm			2.962.525.549		
7. Hàng tồn kho		31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	501.044.034	-	654.288.263	-	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	626.325.000	-	-	-	
Tổng cộng	1.127.369.034	-	654.288.263	-	
8. Chi phí trả trước		31/12/2023		01/01/2023	
	Tăng	Giảm			
<i>a. Ngắn hạn</i>					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	233.192.482	499.354.727	535.349.173	269.186.928	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-	303.305.305	303.305.305	
Tổng cộng	233.192.482	499.354.727	838.654.478	572.492.233	
<i>b. Dài hạn</i>					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	15.345.833	-	64.460.790	79.806.623	
Tổng cộng	15.345.833	-	64.460.790	79.806.623	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	24.074.336.345	317.792.045	64.328.170.563	611.625.000	299.250.049	89.631.174.002
- Tăng trong năm	-	47.300.000	9.689.313.602	-	-	9.736.613.602
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(360.000.000)	-	-	(360.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	24.074.336.345	365.092.045	73.657.484.165	611.625.000	299.250.049	99.007.787.604
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	10.518.615.511	271.320.207	38.345.076.801	435.691.754	280.770.049	49.851.474.322
- Khấu hao trong năm	870.233.220	35.475.069	5.816.304.121	37.873.008	9.240.000	6.769.125.418
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(360.000.000)	-	-	(360.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	11.388.848.731	306.795.276	43.801.380.922	473.564.762	290.010.049	56.260.599.740
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	13.555.720.834	46.471.838	25.983.093.762	175.933.246	18.480.000	39.779.699.680
Tại ngày 31/12/2023	12.685.487.614	58.296.769	29.856.103.243	138.060.238	9.240.000	42.747.187.864

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

- Tại ngày 31/12/2023, Công ty vẫn đang thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường (thuyết minh số V.19) bao gồm các tài sản dưới đây:

	Nguyên giá	Giá trị còn lại			
Xe ép rác HINO 50H-084-90	2.947.200.000	2.087.600.000			
Xe ép rác HINO 50H-231.88	3.229.771.201	2.992.921.313			
Xe ép rác HINO 50H-231.93	3.229.771.201	2.992.921.313			
Xe ép rác HINO 50H-233.24	3.229.771.200	2.992.921.312			
Tổng cộng	12.636.513.602	11.066.363.938			

- Các tài sản cố định đã hết khấu hao còn được sử dụng có nguyên giá là:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	125.272.539	112.337.500	12.091.131.565	374.635.000	253.050.049	12.956.426.653
Tại ngày 31/12/2023	272.577.319	112.337.500	16.989.223.136	374.635.000	253.050.049	18.001.823.004



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Tại ngày 01/01/2023	3.702.763.953	1.240.938.839	2.461.825.114
- Giảm trong năm	(477.787.792)	(40.989.217)	(436.798.575)
- Tại ngày 31/12/2023	3.224.976.161	1.199.949.622	4.424.925.783

Danh mục Bất động sản đầu tư là các căn hộ tái định cư, căn nhà thuộc quyền sở hữu Nhà nước được giao cho Công ty quản lý để cho thuê và bán hộ Nhà nước. Trong năm Công ty đã bàn giao về Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng theo Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 17 tháng 03 năm 2023.

11. Tài sản dở dang

Chi phí XDCB dở dang

	31/12/2023	Tăng	Giảm	01/01/2023
- Mua sắm TSCĐ	-	9.703.465.454	9.736.613.602	33.148.148
Tổng cộng	-	9.703.465.454	9.736.613.602	33.148.148

12. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	182.398.711	150.270.336	150.270.336	150.270.336
- Công ty TNHH MTV Đông Hải	-	1.177.546.900	1.177.546.900	1.177.546.900
- Công ty TNHH Xây dựng giải pháp cấp thoát nước Sài Gòn	462.499.200	-	-	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Sơn Bình	2.112.729.500	-	-	-
- Công ty TNHH Kinh Doanh Xăng Dầu Quang Trung	861.700.415	-	-	-
- Các khách hàng khác	944.185.196	209.655.410	209.655.410	209.655.410
Tổng cộng	4.563.513.022	1.537.472.646	1.537.472.646	1.537.472.646

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
- Trường Mầm non Bé Ngôi Sao	167.280	-
- Công ty Cổ phần xây dựng đầu tư phát triển hạ tầng Hùng Vương	29.000	-
- Các khách hàng khác	864.142	14.275.956
Tổng cộng	1.060.422	14.275.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2023
- Thuế GTGT	923.546.084	7.390.205.289	8.395.878.642	1.929.219.437
- Thuế TNDN	1.661.143.541	3.163.282.139	3.179.972.267	1.677.833.669
- Thuế TNCN	153.983.569	732.917.260	979.778.597	400.844.906
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.059.753.110	4.377.123.075	1.317.369.965
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.070.270.309	2.331.396.294	370.157.270	2.109.031.285
Tổng cộng	6.808.943.503	16.680.554.092	17.305.909.851	7.434.299.262

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2023	01/01/2023
- Thuế GTGT	923.546.084	1.929.219.437
- Thuế TNDN	1.661.143.541	1.677.833.669
- Thuế TNCN	153.983.569	400.844.906
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.317.369.965
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.070.270.309	2.109.031.285
Tổng cộng	6.808.943.503	7.434.299.262

(*) Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố.

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định của Cơ quan Thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo Quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

15. Phải trả công nhân viên

	31/12/2023	01/01/2023
- Lương viên chức quản lý	341.450.589	807.295.151
- Lương người lao động	14.734.871.722	20.419.161.233
- Phải trả công nhân viên	177.319.550	-
Tổng cộng	15.253.641.861	21.226.456.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

15. Phải trả công nhân viên (Tiếp theo)

Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2023 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2023.

	Năm 2023	Năm 2022
Quỹ lương kế hoạch của người quản lý	3.381.619.200	2.788.800.034
Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý	74.520.000	69.552.000
Quỹ lương kế hoạch của người lao động	68.600.857.824	64.922.056.944
Quỹ lương kế hoạch của người lao động - Quản lý nhà sở hữu thuộc Nhà nước	603.532.800	
Tổng cộng	72.660.529.824	67.780.408.978

16. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

Chi phí tiền ăn giữa ca

Tổng cộng

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí tiền ăn giữa ca	60.208.971	
Tổng cộng	60.208.971	-

17. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp (tiền trả góp không có lãi)

- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp (cho thuê CC Khang Gia)

Các khoản phải hoàn thuế GTGT cho các đội: Phạm Văn Hoài

- Phải trả các đội thi công (bên có tk 141)

- Phải trả ngân sách (bán nhà CC Khang Gia, An Sương)

- Phí khử trùng của công tác bốc mộ

- Phải trả tiền bán nhà trả góp căn hộ CC P5 cho Quỹ đầu tư

- Thuế TNCN tạm thu

- Các khoản khác

Tổng cộng

	31/12/2023	01/01/2023
- Kinh phí công đoàn	144.702.595	141.196.205
- Bảo hiểm xã hội	609.369.277	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	47.790.422	-
- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp (tiền trả góp không có lãi)	241.989.013	280.847.882
- Ban bồi thường GPMB quận Gò Vấp (cho thuê CC Khang Gia)	189.748.361	145.544.726
Các khoản phải hoàn thuế GTGT cho các đội: Phạm Văn Hoài	-	20.371.294
- Phải trả các đội thi công (bên có tk 141)	-	246.124.441
- Phải trả ngân sách (bán nhà CC Khang Gia, An Sương)	459.700.000	459.700.000
- Phí khử trùng của công tác bốc mộ	-	20.700.000
- Phải trả tiền bán nhà trả góp căn hộ CC P5 cho Quỹ đầu tư	43.841.280	43.841.280
- Thuế TNCN tạm thu	145.580.729	-
- Các khoản khác	54.922.578	24.075.168
Tổng cộng	1.937.644.255	1.382.400.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

17. Phải trả khác (Tiếp theo)

b. Dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
Công ty Cổ phần Ta Ca	500.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Hoàng Gia	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH MTV Bóng đá mini Phạm Phú Quý	80.000.000	80.000.000
Nhà 96 Nguyễn Thượng Hiền P.1, Q. Gò Vấp	10.000.000	10.000.000
- Các khách hàng khác	5.500.000	5.500.000
Tổng cộng	995.500.000	1.495.500.000

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	31/12/2023	Tăng	Giảm	01/01/2023
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.357.545.176	8.490.042.612	10.521.618.520	24.389.121.084
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty	518.340.623	260.064.542	263.444.000	521.720.081
Tổng cộng	22.875.885.799	8.750.107.154	10.785.062.520	24.910.841.165

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	31/12/2023	01/01/2023
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	532.772.726	32.772.726
Tổng cộng	532.772.726	32.772.726

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2023			Phát sinh trong năm 2023			01/01/2023
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.093.700.067	5.093.700.067	13.308.703.577	9.625.120.060	1.410.116.550	1.410.116.550	
Ngân hàng TMCP Công thương VN- CN9 (*)	5.093.700.067	5.093.700.067	13.308.703.577	9.625.120.060	1.410.116.550	1.410.116.550	
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.719.996.000	1.719.996.000	2.586.660.000	1.286.664.000	420.000.000	420.000.000	
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM	1.719.996.000	1.719.996.000	2.586.660.000	1.286.664.000	420.000.000	420.000.000	
Tổng cộng	6.813.696.067	6.813.696.067	15.895.363.577	10.911.784.060	1.830.116.550	1.830.116.550	

(*) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 9 cho vay tín chấp theo Hợp đồng cho vay số 049/2023-HDCVHM/NHCT928-CIGV ngày 29 tháng 06 năm 2023, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động với hạn mức 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) thời hạn của hợp đồng vay là 12 tháng, thời hạn của khế ước vay là 6 tháng, lãi suất theo từng kỳ được ghi trên Giấy nhận nợ.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2023		Phát sinh trong năm 2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Quỹ Bảo vệ Môi trường TPHCM (**)	4.823.340.000	4.823.340.000	6.500.000.000	2.586.660.000	910.000.000	910.000.000
Tổng cộng	4.823.340.000	4.823.340.000	6.500.000.000	2.586.660.000	910.000.000	910.000.000

(**) Số dư vay trung dài hạn của Quỹ Bảo vệ Môi Trường TP Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2023 như sau:

- Vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 01-2021/HDTD-QBVMT ngày 22 tháng 02 năm 2021 với số tiền vay 2.100.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện mua sắm xe chờ rác rác hiệu HINO biên số 50H-084.90, thời hạn vay 05 năm. Lãi suất trong hạn là 4,27%, được điều chỉnh lãi suất trong trường hợp có biến động lớn về lãi cho vay của bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe chờ rác rác hiệu HINO biên số 50H-084.90, (thuyết minh số V.09). Trả nợ gốc hàng tháng 35.000.000 vnd/tháng trong 60 tháng, đáo hạn tháng 02/2026.
- Vay của Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 10-2023/HDTD-QBVMT ngày 31 tháng 03 năm 2023 với số tiền vay 6.500.000.000 đồng, mục đích vay là thực hiện mua sắm 03 xe chờ rác rác hiệu HINO biên số 50H-231.88, 50H-231.93 và 50H-233.24 thời hạn vay 05 năm. Lãi suất trong hạn là 4,27%, được điều chỉnh lãi suất trong trường hợp có biến động lớn về lãi cho vay của bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe chờ rác rác hiệu HINO biên số 50H-231.88, 50H-231.93 và 50H-233.24, (thuyết minh số V.09). Trả nợ gốc hàng tháng 108.333.000 vnd/tháng trong 59 tháng đầu và trả nợ gốc tháng cuối cùng là 108.353.000 vnd, đáo hạn tháng 03/2028.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	30.013.180.504	3.745.929.538	11.835.968.575	45.595.078.617
Lãi trong năm trước	-	-	13.319.776.611	13.319.776.611
Điều chỉnh	-	(6.910.722.193)	19.561.088.001	12.650.365.808
Trích các quỹ	-	3.795.109.743	(31.046.105.915)	(27.250.996.172)
Nộp thuế truy thu theo QĐ số 4186/QĐ-TC ngày 30/12/2022	-	-	(350.950.661)	(350.950.661)
K/c khoản phải nộp về ngân sách	-	-	(2.220.570.584)	(2.220.570.584)
Số dư tại ngày 31/12/2023	30.013.180.504	630.317.088	11.099.206.027	41.742.703.619
Lãi trong năm	-	-	12.459.838.205	12.459.838.205
Trích các quỹ	-	2.382.098.873	(11.099.206.027)	(8.717.107.154)
K/c khoản phải nộp về ngân sách	-	-	(2.187.160.794)	(2.187.160.794)
Số dư tại ngày 31/12/2023	30.013.180.504	3.012.415.961	10.272.677.411	43.298.273.876



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023	01/01/2023
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn của nhà nước	30.013.180.504	30.013.180.504
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.013.180.504	30.013.180.504
+ Vốn đầu năm	30.013.180.504	30.013.180.504
+ Vốn cuối năm	30.013.180.504	30.013.180.504
d. Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2023	Năm 2022
- Số dư đầu năm	630.317.088	3.745.929.538
Tăng trong năm	2.382.098.873	3.795.109.743
Giảm trong năm	-	(6.910.722.193)
- Số dư cuối năm	3.012.415.961	630.317.088
22. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Năm 2023	Năm 2022
- Số dư đầu năm	2.461.825.114	2.461.825.114
Giảm trong năm	(436.798.575)	-
- Số dư cuối năm	2.025.026.539	2.461.825.114
23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2023	01/01/2023
a. Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty Thương nghiệp tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.		
	Năm 2023	Năm 2022
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.083.547.057	155.298.386.183
<i>trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động vệ sinh và vận chuyển rác	71.813.636.186	81.438.198.247
Doanh thu hoạt động môi trường, duy tu	62.601.238.562	62.414.192.522
Doanh thu hoạt động thiết kế, hợp tác kinh doanh và dịch vụ nhà đất	5.685.430.047	5.921.401.173
Doanh thu hoạt động nhà tang lễ	475.845.460	394.936.370
Doanh thu hoạt động giữ xe Làng hoa	872.313.637	831.310.904
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà, đất SHNN, chung cư	4.635.083.165	4.298.346.967
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.083.547.057	155.298.386.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Năm 2023	Năm 2022
02. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động vệ sinh và vận chuyển rác	63.705.124.791	68.376.590.050
Giá vốn hoạt động môi trường, duy tu	47.507.735.962	53.929.541.897
Giá vốn hoạt động thiết kế, hợp tác kinh doanh và dịch vụ nhà đất	3.718.926.188	3.018.431.826
Giá vốn hoạt động nhà tang lễ	707.923.012	627.466.675
Giá vốn hoạt động giữ xe Làng hoa	1.369.172.258	1.299.391.922
Giá vốn hoạt động cho thuê nhà, đất SHNN, chung cư	2.193.173.988	1.897.529.013
Tổng cộng	119.202.056.199	129.148.951.383
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.375.453.999	1.182.272.654
Tổng cộng	1.375.453.999	1.182.272.654
04. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	777.590.747	549.588.795
Tổng cộng	777.590.747	549.588.795
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8.525.860.813	8.343.804.688
Chi phí đồ dùng văn phòng	394.409.105	178.283.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.306.736	77.182.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.740.522.413	1.443.083.643
Chi phí bằng tiền khác	1.126.277.585	2.863.928.601
Tổng cộng	11.867.376.652	12.906.282.173
06. Thu nhập khác		
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	82.727.273	-
Thu nhập khác	116.383.720	3.266.183.250
Tổng cộng	199.110.993	3.266.183.250
07. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý TSCĐ	11.279.091	-
Chi phí khác	180.009.283	511.832.581
Tổng cộng	191.288.374	511.832.581
08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	9.087.613.447	9.743.903.551
Chi phí nhân công;	10.554.373.905	12.537.704.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	6.769.125.418	6.224.376.307
Chi phí bằng tiền khác	104.658.320.081	113.549.248.994
Tổng cộng	131.069.432.851	142.055.233.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Năm 2023	Năm 2022
09. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.619.800.077	16.630.187.155
Cộng các khoản chi phí không được trừ	180.009.283	511.832.581
Điều chỉnh tăng/giảm thu nhập tính thuế	-	(589.967.015)
Thu nhập tính thuế	15.799.809.360	16.552.052.721
Thuế suất thuế tndn	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.159.961.872	3.310.410.544
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.159.961.872	3.310.410.544

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	13.308.703.577	13.640.022.756
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	10.911.784.060	14.075.526.831

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.873.215.329	-	27.339.467.511	-
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	12.815.360.284	(2.962.525.549)	21.179.709.318	(2.212.901.611)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	15.098.835.225	-	15.074.629.139	-
Tổng cộng	66.787.410.838	- 2.962.525.549	63.593.805.968	- 2.212.901.611
			31/12/2023	01/01/2023
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			29.559.242.641	33.076.129.288
Các khoản vay			11.637.036.067	2.740.116.550
Chi phí phải trả ngắn hạn			60.208.971	-
Tổng cộng			41.256.487.679	35.816.245.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

39578756
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
QUẬN GÒ VẤP
PHÒNG QUẢN LÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, nguồn vốn mà chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.873.215.329	-	38.873.215.329
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	12.815.360.284	-	12.815.360.284
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	15.098.835.225	-	15.098.835.225
Tổng cộng	66.787.410.838	-	66.787.410.838
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	28.563.742.641	995.500.000	29.559.242.641
Các khoản vay	6.813.696.067	4.823.340.000	11.637.036.067
Tổng cộng	35.437.647.679	5.818.840.000	41.256.487.679
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.349.763.159	(5.818.840.000)	25.530.923.159

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.339.467.511	-	27.339.467.511
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	21.179.709.318	-	21.179.709.318
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	15.074.629.139	-	15.074.629.139
Tổng cộng	63.593.805.968	-	63.593.805.968
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	31.580.629.288	1.495.500.000	33.076.129.288
Các khoản vay	1.830.116.550	910.000.000	2.740.116.550
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-
Tổng cộng	33.410.745.838	2.405.500.000	35.816.245.838
Chênh lệch thanh khoản thuần	30.183.060.130	(2.405.500.000)	27.777.560.130

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Các bên liên quan bao gồm:	Chức vụ
- Ông Ngô Hệ Chính	Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Quang Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Ông Bùi Minh Quang	Thành viên HĐQT
- Bà Huỳnh Mỹ Phương	Kiểm soát viên
- Ông Phan Xuân Thiện	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Long Hoàng Vinh	Phó Giám đốc
- Ông Lê Thành Tín	Kế toán trưởng

3. Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng

	Năm 2023	Năm 2022
Lương và các khoản phụ cấp khác	3.640.740.812	3.940.296.878

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm 2023 được điều chỉnh theo Báo cáo tài chính điều chỉnh năm 2022 của Công ty ký ngày 06/03/2023
Số liệu điều chỉnh cụ thể như sau:

	Theo BC kiểm toán phát hành ngày 27/01/2023	Theo BCTC của đơn vị tại ngày 06/03/2023	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
NGUỒN VỐN			
C- NỢ PHẢI TRẢ	60.772.493.867	60.774.135.685	1.641.818
I. Nợ ngắn hạn	58.334.221.141	58.335.862.959	1.641.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.537.472.646	1.537.472.646	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.275.956	14.275.956	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.432.657.444	7.434.299.262	1.641.818
4. Phải trả người lao động	21.226.456.384	21.226.456.384	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	1.382.400.996	1.382.400.996	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.830.116.550	1.830.116.550	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.910.841.165	24.910.841.165	-
II. Nợ dài hạn	2.438.272.726	2.438.272.726	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	44.206.170.551	44.204.528.733	(1.641.818)
I. Vốn chủ sở hữu	41.744.345.437	41.742.703.619	(1.641.818)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	30.013.180.504	30.013.180.504	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	630.317.088	630.317.088	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.100.847.845	11.099.206.027	(1.641.818)
- LNST chưa phân phối kỳ này	11.100.847.845	11.099.206.027	(1.641.818)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.461.825.114	2.461.825.114	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	104.978.664.418	104.978.664.418	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.298.386.183	155.298.386.183	-
Giá vốn hàng bán	129.148.951.383	129.148.951.383	-
Doanh thu hoạt động tài chính	1.375.453.999	1.375.453.999	-
Chi phí tài chính	777.590.747	777.590.747	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.906.282.173	12.906.282.173	-
Thu nhập khác	3.266.183.250	3.266.183.250	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.630.187.155	16.630.187.155	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.308.768.726	3.310.410.544	1.641.818
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.321.418.429	13.319.776.611	(1.641.818)

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2023 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Giám đốc

Phạm Thị Thanh Tuấn

Lê Thành Tín

Võ Quang Sơn